TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2022/DS-ST
Ngày: 22/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Quản
2. Ông Võ Văn Tốt

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Huỳnh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín**

Trụ sở: Lầu 8 số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: .... Bạch Đằng, Phường 24, quận Bình Thạnh, TPHCM.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức danh: Tổng giám đốc *(vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Thi Quang H** - theo Giấy ủy quyền số 3977/2020/QĐPL ngày 28/12/2020 và Giấy ủy quyền số 01/2021/GUQ-CNBT ngày 30/01/2021 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Phan Văn H - sinh năm 1998** *(vắng mặt)*

Địa chỉ: ...Nguyễn Thị K , Tổ 14, Khu phố 4, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 03/02/2021, lời khai tại tòa, ông Thi Quang H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

1/ Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và bị đơn ông Phan Văn H có ký Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 có nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 102.000.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu đồng), với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất 03 tháng đầu tiên 16.5%, từ tháng thứ tư lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 13 tháng VNĐ lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 8,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần phù hợp với quy định của ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Thực hiện hợp đồng: Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn vay đúng thỏa thuận hợp đồng nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi và gốc theo thỏa thuận nên nguyên đơn chấm dứt hợp đồng và khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn thanh toán bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 22/6/2022 của Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 là 116.542.243 đồng, trong đó: số tiền gốc là 88.400.000 đồng và lãi trong hạn 23.835.798 đồng; lãi quá hạn là 3.361.843 đồng, lãi phạt chậm trả 944.602 đồng; bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán lãi tính từ ngày 23/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

2/ Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và bị đơn ông Phan Văn H có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng) có nội dung Nguyên đơn có cấp thẻ tín dụng cho bị đơn vay với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, cụ thể:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
Visa	472074-1925	30.000.000 đồng	12/12/*20219*	2.6% tháng

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 57.011.550 đồng, bị đơn mới thanh toán được cho ngân hàng số tiền 31.747.360 đồng, Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng, ông Hậu vẫn còn thiếu nợ gốc và lãi, phía nguyên đơn nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Phan Văn H vẫn không có thiện chí trả nợ,

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 22/12/2020 Ngân hàng đã chấm quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phan Văn H thanh toán nguyên đơn số tiền gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 22/06/2022 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng) là 58.876.259 đồng, trong đó: số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi trong hạn là 4.408.402 đồng; lãi quá hạn và phí là 24.467.857 đồng; bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán lãi tính từ ngày 23/06/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tổng cộng số tiền số tiền gốc, lãi và phí còn thiếu của 02 Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín

dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng) tạm tính đến 22/6/2022 là 116.542.243 đồng + 58.876.259 đồng = 175.418.502 đồng.

Nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phan Văn H thanh toán cho nguyên đơn số tiền số tiền gốc, lãi và phí còn thiếu tạm tính đến ngày 22/6/2022 của 02 Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng) là 175.418.502 đồng ngay sau khi án có hiệu lực; bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán lãi quá hạn và phí tính từ ngày 23/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Về phía bị đơn đã được Tòa án nhân dân Quận 12 nhiều lần triệu tập lên làm việc và để tham gia các phiên hòa giải, cũng như xét xử vụ án nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và vụ án không tiến hành hòa giải được phải được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, nhưng còn vi phạm về thời hạn tố tụng chậm đưa vụ án ra xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, tuân theo nội quy phiên tòa. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng cộng số tiền gốc, lãi và phí còn thiếu của 02 Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng) tạm tính đến ngày 22/6/2022 là 175.418.502 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa 01 tổ chức tín dụng cho vay với một cá nhân vay vốn nhằm mục đích tiêu dùng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 12 nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12.

Theo kết quả xác minh ngày 28/4/2021 của Công an phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án có nội

dung:*"Công dân ông Phan Văn H - sinh năm 1998 có hộ khẩu thường trú tại 409 Nguyễn Thị Kiểu, Tổ 14, Khu phố 4, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay đương sự không thực tế cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, bỏ địa phương từ năm 2020 đến nay, không rõ đi đâu";* Xét tại 02 Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 thể hiện bị đơn ông Phan Văn H có địa chỉ cư trú tại 409 Nguyễn Thị Kiểu, Tổ 14, Khu phố 4, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên việc ông Hậu bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì xác định người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định nhưng bị đơn ông Phan Văn H vắng mặt không có lý do, bị đơn không hề có bất kỳ một ý kiến gì về vụ án trên; Do đó Hội đồng xét xử không thể xem xét các ý kiến, yêu cầu của bị đơn trong vụ án và bị đơn phải gánh chịu các hậu quả pháp lý bất lợi trong vụ án này; vì vậy Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3].Về những yêu cầu của các đương sự:

[3.1]. Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào 02 Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng) được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên, Tòa án khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đúng như nguyên đơn trình bày, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, sự thỏa thuận của các bên không trái pháp luật nên được xem là hợp đồng hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ có giá trị ràng buộc các bên theo nội dung thỏa thuận.

[3.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn ông H thanh toán số tiền vốn gốc vay, lãi và phí còn thiếu tính đến ngày 22/6/2022 là 175.418.502 đồng.

Xét thấy trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi được quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng) và gây ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó nguyên

đơn đã chấm dứt cho vay thu hồi nợ trước hạn đối với bị đơn nên bị đơn ông H (là bên vay) có nghĩa vụ thanh toán hết số nợ gốc và lãi còn thiếu ngay lập tức cho nguyên đơn (là bên cho vay) nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu ngay sau khi án có hiệu lực là có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đưa ra chứng cứ chứng minh các bên có thỏa thuận bên vay (là bị đơn) trong 02 hợp đồng tín dụng có nghĩa vụ trả lãi cho bên cho vay (là nguyên đơn), Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, phù hợp với Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xét thấy bị đơn vi phạm thực hiện nghĩa vụ đóng gốc và lãi hàng tháng thì Ngân hàng có quyền chấm dứt hợp đồng tín dụng nên bị đơn ông Phan Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán hết số nợ gốc và lãi còn thiếu ngay lập tức, nếu chậm thanh toán sẽ phải chịu lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc vay còn thiếu theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng); nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Hậu trả cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí còn thiếu tính đến ngày 22/6/2022 của Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng) là 175.418.502 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm mười tám ngàn năm trăm lẻ hai đồng) ngay sau khi án có hiệu lực là có cơ sở chấp nhận vì phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, cụ thể số tiền vốn gốc vay và lãi, phí còn thiếu như sau:

+ Đối với Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019: vốn gốc vay là 116.542.243 đồng, trong đó: số tiền gốc là 88.400.000 đồng và lãi trong hạn là 23.835.798 đồng; lãi quá hạn là 3.361.843 đồng, lãi phạt chậm trả là 944.602 đồng.

+ Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng): vốn gốc vay là 30.000.000 đồng và lãi trong hạn là 4.408.402 đồng; lãi quá hạn và phí là 24.467.857 đồng.

Xét thấy bị đơn ông Phan Văn H vắng mặt không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không thể xem xét giải quyết yêu cầu, ý kiến của bị đơn.

[4] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phan Văn H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.385.463 đồng đối với toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín buộc bị đơn ông Phan Văn H phải trả số tiền gốc và lãi còn thiếu là 175.418.502 đồng cho nguyên đơn được Tòa án chấp nhận (theo khoản 4, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.257.537 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0106101 ngày 23/2/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, TPHCM

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bản án này là sơ thẩm nên các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 14, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm e Khoản 1 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 219, Khoản 2 Điều 227, 228, 235, 263, 264, 265, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119, 357, 463, 466, 468 và Điều 668 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 4, Điều 13, Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội Đồng Thẩm Phán Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

***1**. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.*

Buộc bị đơn ông Phan Văn H phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ gốc, lãi và phí còn thiếu tính đến ngày

22/6/2022 của Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng) là 175.418.502 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm mười tám ngàn năm trăm lẻ hai đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cụ thể số tiền vốn gốc vay và lãi còn thiếu như sau:

+ Đối với Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019: vốn gốc vay là 116.542.243 đồng (một trăm mười sáu triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: số tiền gốc là 88.400.000 đồng (tám mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng) và lãi trong hạn là 23.835.798 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm chín mươi tám đồng); lãi quá hạn là 3.361.843 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi ba đồng), lãi phạt chậm trả là 944.602 đồng (chín trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm lẻ hai đồng).

+ Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng): vốn gốc vay là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi trong hạn là 4.408.402 đồng (bốn triệu bốn trăm lẻ tám ngàn bốn trăm lẻ hai đồng); lãi quá hạn và phí là 24.467.857 đồng (hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng).

Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phan Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và phí, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201923709660 ngày 13/12/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/12/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của hợp đồng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2. *Về án phí:*

Ông Phan Văn H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.385.463 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi ba đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, TPHCM

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.287.537 đồng (ba triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0106101 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, TPHCM.

3. *Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:*

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa khi tuyên án được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp pháp bản án này; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thanh Hùng